TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:21/2020/DS-PT
Ngày: 19-02-2020
V/v:"Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Ngọc Bích** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS, ngày 03 tháng 2 năm 2020 về việc: tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐ-PT, ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **H. T. V**, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: H1, khu 16B, M. T, phường A. H, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **H. T. L**, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Tr. H. Đ, quận N. K, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **H. Ph. Nh**, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **Ng. Th. Ng**, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9 , ấp T. L, xã T. Qu, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **H. T. L**, sinh năm 1969. Có mặt.
Địa chỉ: Số 218/24E, Tr. H. Đ, quận N. K, thành phố Cần Thơ
3.2. Bà **Tr. Th. Th. D**, sinh năm 1977. Có mặt.
3.3. Chị **H. Th. Ng. D**, sinh năm 1997. Vắng mặt.
3.4. Anh **Ng. Tr. H**, sinh năm 1995. Vắng mặt.
3.5. Bà **Ng. Th. Th. H**, sinh năm 1953. Có mặt.
Người đại diện hợp pháp của H. Th.Ng. D và bà Ng. Th. Th. H là ông **H. T. L**, sinh năm 1969. Có mặt.
Địa chỉ: Tổ 13, ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long

4. Do có kháng cáo của nguyên đơn ông H. Tr. V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông H. Tr.g V có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H. Tr. V có quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 417, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.130m^2; loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp T. L., xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long. Trên thửa đất số 417 nêu trên ông có xây dựng 03 căn nhà cấp 4 trên 25 năm gồm nhà ông H. Tr. V, nhà bà Tr. Th. Th. D và nhà bà Ng. Th. Th. H. Ông, bà đều sử dụng lối đi chung trên phần đất của ông H. Ph. Nh thuộc thửa đất số 171 diện tích 600m^2; loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất là do ông bà chung để lại, hiện nay phần mộ của ông bà ông Nh được chôn cất trên phần đất của ông V. Đây là lối đi duy nhất mà gia đình ông đã sử dụng hơn 30 năm nay, không có bất kỳ ai tranh chấp, lối đi có chiều ngang khoảng 1,2m giáp quốc lộ 54, phía trong chiều ngang khoảng 2m, chiều dài khoảng 25m, tổng diện tích khoảng 60m^2. Phía ông Nh không có ý kiến gì và cũng đồng ý cho gia đình ông sử dụng lối đi này từ trước đến nay.

Đến năm 2013, ông Nh tranh chấp lối đi nêu trên với gia đình ông V nhưng được Ủy ban nhân dân xã hòa giải thành, hai bên thống nhất với nhau theo hướng giữ nguyên hiện trạng lối đi, về sau nếu gia đình ông V có nhu cầu sử dụng lâu dài thì thỏa thuận nhận chuyển nhượng theo giá quy định của nhà nước.

Đến ngày 24/6/2019 phía ông Nh đã tự ý xây dựng hàng rào bằng trụ đá lấn chiếm lối đi phía đường đal khoảng 0,3m, phía sau khoảng 0,8m gây khó khăn cho việc gia đình ông V sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Ông V đã gặp trực tiếp ông Nh thỏa thuận mở lối đi nhưng ông Nh không đồng ý và kiên quyết rào theo ý của mình.

Trước sự việc nêu trên, nên ông V làm đơn này yêu cầu xem xét giải quyết: Buộc ông H. Ph. Nh giữ nguyên hiện trạng lối đi cũ đã được gia đình ông V sử

dụng hơn 30 năm nay với chiều ngang khoảng 1,2m giáp quốc lộ 54, phía trong khoảng chiều ngang khoảng 2m, chiều dài khoảng 25m, tổng diện tích theo trích đo 50,8m^2. Ông V đồng ý hoàn trả cho ông Nh giá trị đất theo quy định của Nhà nước. Phía nguyên đơn khởi kiện là căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất từ rất lâu, phía bị đơn làm hàng rào là không đúng vì ngay vị trí lối đi cũ là đã có hàng rào vách ngăn cách giữa phần ông Nh sử dụng và phần lối đi, nay bị đơn xây dựng lấn chiếm lối đi như từ trước đến nay nguyên đơn vẫn đi, làm cho nguyên đơn khó khăn trong việc đi lại phần lối đi chung, nên nguyên đơn mới khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết là giữ nguyên hiện trạng phần lối đi từ trước đến nay.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H. Ph. Nh, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ng. Th. Ng trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông bà chung cho phía nguyên đơn và bị đơn cho sử dụng là đúng, còn về phần lối đi theo như nguyên đơn trình bày thì hiện nay ông Nhu cũng chừa lối đi cho các hộ phía trong đi lại bình thường, không rào chắn. Nay thì ông Nh có nhu cầu rào phần đất của mình để bảo vệ tài sản bên trong nhà, vì 02 cửa sổ cạnh sát lối đi. Đồng thời ống nước thải, ống nước máy của ông Nh cũng nằm cặp bên hông nhà. Ông Nh xây dựng hàng rào thì bị ông V ngăn cản làm ảnh hưởng quyền lợi của ông Nh. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Nh thống nhất chừa lối đi chung chiều ngang 1,2m, chiều dài từ quốc lộ 54 đến phần đất của nguyên đơn khoảng 25m. Vì ông Nh cũng có nhu cầu sử dụng lối đi này nên không đồng ý cho nguyên đơn mua lại mà để đưa vào lối đi chung, ông Nh vẫn còn đứng tên và khi nhà nước thu hồi có đền bù thì ông Nh sẽ là người được hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông H. T. L, bà Ng. Th. Th. H, anh Ng. Tr. H, chị H. Th. Ng. D, bà Tr. Th. Th. D trình bày: thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của H. Tr. V, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng lối đi cũ trước đây, việc hoàn giá trị thì do V thực hiện, vì giữa ông H. T. L, bà Ng. Th. Th. H, anh Ng. Tr. H, chị H. Th. Ng. D, bà Tr. Th. Th. D đều là thân thuộc trong gia đình.

Tại bản án sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tuyên xử:

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 34, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 4 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H. Tr. V.

Buộc ông H. Ph. Nh dành cho ông H. Tr. V một lối đi trên phần đất thuộc tách thửa 171 -1, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại tổ 13, ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long do ông H. Ph. Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Lối đi có chiều ngang đầu ngoài giáp quốc lộ 54 là 1,2m, chiều ngang đầu trong là 1,6m, diện tích là 35m^2, chu vi lối đi gồm các mốc giới: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1. (Kèm

theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/10/2019 của Phòng tài nguyên môi trường huyện Bình Tân).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H. Ph. Nh không yêu cầu ông H. Tr. V đền bù giá trị quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 09 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn ông H. Tr. V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông H. Ph. Nh dành cho gia đình ông một lối đi trên phần đất thuộc tách thửa 171-1 và 171-2, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại tổ 13, ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long do ông H. Ph. Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Lối đi có chiều ngang đầu ngoài giáp quốc lộ 54 là 1,35m^2, chiều ngang đầu trong là 2,2m^2, diện tích 85,8m^2 gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 theo trích đo ngày 07/10/2019 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân. Ông đồng ý hoàn trả cho ông Nh giá trị đất theo quy định của nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn ông H. T. L và đại diện bị đơn ông Ng. Th. Ng cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận như sau: Bị đơn đồng ý dành cho nguyên đơn lối đi vĩnh viễn trên phần đất tách thửa 171 như sơ đồ mà Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2020 gồm các mốc như sau: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1; kích thước các mốc như sau: Mốc từ 1 đến 17 có chiều dài 1,65m; 17 đến 16 có chiều dài 4,50m; mốc 16 đến 15 có chiều dài 7,35m; mốc từ 15 đến 14 có chiều dài 3,25m; mốc từ 14 đến 13 có chiều dài là 0,40m, mốc từ 13 đến 12 có chiều dài là 4,50m; mốc từ 12 đến 11 có chiều dài là 5.00m; mốc từ 11 đến 10 có chiều dài 1,30m; các mốc này là dấu sơn trên tường rào của bà Cao Thị Chi. Mốc 2 đến 3 có chiều dài 1,00m, mốc 3 đến 4 có chiều dài 4,48m, mốc từ 4 đến 5 có chiều dài 7,37m, mốc từ 5 đến 6 có chiều dài 3,90m, mốc 6 đến 7 có chiều dài 3,92m, mốc từ 7 đến 8 có chiều dài là 5,10m, mốc từ 8 đến 9 có chiều dài 1,15m; các mốc 2, 3, 8 là dấu sơn góc nhà ông H. Ph. Nh; các mốc 4, 5, 6, 7 là dấu sơn trên nền xi măng mép rào bê tông, mốc 9 là dấu sơn trên nền xi măng. Mốc từ 1 qua 2 có chiều rộng là 1,35m, mốc từ 17 qua 3 có chiều rộng 1, 20m, mốc từ 16 qua 4 có chiều rộng là 1,2m, mốc từ 15 qua 5 có chiều rộng là 1,3m, mốc từ 13 qua 6 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 12 qua 7 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 11 qua 8 có chiều rộng là 1,40m, mốc từ 10 qua 9 có chiều rộng là 2,10m. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất khi nào nguyên đơn có cải tạo mặt đường thì chỉ cao khoảng 10cm và khi nào nhà nước thu hồi bồi hoàn thì bị đơn sẽ nhận tiền bồi hoàn giá trị đất và tiền bồi hoàn giá trị công trình trên phần đất mà nguyên đơn sử dụng làm đường đi bị thu hồi.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của

luật và không trái đạo đức. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông H. Tr. V kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Ngày 09 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn ông H. Tr. V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông H. Ph. Nh dành cho gia đình ông một lối đi trên phần đất thuộc tách thửa 171-1 và 171-2, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại tổ 13, ấp T. L, xã T. L, huyện B. T, tỉnh Vĩnh Long do ông H. Ph. Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Lối đi có chiều ngang đầu ngoài giáp quốc lộ 54 là 1,35m^2, chiều ngang đầu trong là 2,2m^2, diện tích 85,8m^2 gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 theo trích đo ngày 07/10/2019 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân. Ông đồng ý hoàn trả cho ông Nh giá trị đất theo quy định của nhà nước.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án với các nội dung: Bị đơn đồng ý dành cho nguyên đơn lối đi vĩnh viễn trên phần đất tách thửa 171 như sơ đồ mà Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2020 gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1; kích thước các mốc như sau: Mốc từ 1 đến 17 có chiều dài 1,65m; 17 đến 16 có chiều dài 4,50m; mốc 16 đến 15 có chiều dài 7,35m; mốc từ 15 đến 14 có chiều dài 3,25m; mốc từ 14 đến 13 có chiều dài là 0,40m, mốc từ 13 đến 12 có chiều dài là 4,50m; mốc từ 12 đến 11 có chiều dài là 5.00m; mốc từ 11 đến 10 có chiều dài 1,30m; các mốc này là dấu sơn trên tường rào của bà Cao Thị Chi. Mốc 2 đến 3 có chiều dài 1,00m, mốc 3 đến 4 có chiều dài 4,48m, mốc từ 4 đến 5 có chiều dài 7,37m, mốc từ 5 đến 6 có chiều dài 3,90m, mốc 6 đến 7 có chiều dài 3,92m, mốc từ 7 đến 8 có chiều dài là 5,10m, mốc từ 8 đến 9 có chiều dài 1,15m; các mốc 2, 3, 8 là dấu sơn góc nhà ông Huỳnh Phước Nhu; các mốc 4, 5, 6, 7 là dấu sơn trên nền xi măng mép rào bê tông, mốc 9 là dấu sơn trên nền xi măng. Mốc từ 1 qua 2 có chiều rộng là 1,35m, mốc từ 17 qua 3 có chiều rộng 1, 20m, mốc từ 16 qua 4 có chiều rộng là 1,2m, mốc từ 15 qua 5 có chiều rộng là 1,3m, mốc từ 13 qua 6 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 12 qua 7 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 11 qua 8 có chiều rộng là 1,40m, mốc từ 10 qua 9 có chiều rộng là 2,10m. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất khi nào nguyên đơn cải tạo

mặt đường thì chỉ nâng mặt đường cao khoảng 10cm và khi nào nhà nước thu hồi bồi hoàn thì bị đơn sẽ nhận tiền bồi hoàn giá trị đất và công trình trên phần đất mà nguyên đơn sử dụng làm đường đi bị thu hồi. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn không yêu cầu phía nguyên đơn trả giá trị quyền sử dụng đất làm lối đi này.

[2.3] Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Từ những phân tích nêu trên sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

[3] Chi phí tố tụng: Buộc ông H. Tr. V chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông V đã nộp xong không phải nộp tiếp.

[3] Án phí dân sự:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H. Tr. V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo lai thu số 0011041 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, ông Huỳnh Trung Việt không phải nộp thêm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông H.Tr. V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo lai thu số 0011288 ngày 13/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, ông H. Tr. V không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 34, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Khoản 4 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27, khoảm 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Buộc bị đơn dành cho nguyên đơn lối đi vĩnh viễn trên phần đất tách thửa 171 như sơ đồ mà Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2020 gồm các mốc như sau 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1; kích thước các mốc như sau: Mốc từ 1 đến 17 có chiều dài 1,65m; 17 đến 16 có chiều dài 4,50m; mốc 16 đến 15 có chiều dài 7,35m; mốc

từ 15 đến 14 có chiều dài 3,25m; mốc từ 14 đến 13 có chiều dài là 0,40m, mốc từ 13 đến 12 có chiều dài là 4,50m; mốc từ 12 đến 11 có chiều dài là 5.00m; mốc từ 11 đến 10 có chiều dài 1,30m; các mốc này là dấu sơn trên tường rào của bà Cao Thị Chi. Mốc 2 đến 3 có chiều dài 1,00m, mốc 3 đến 4 có chiều dài 4,48m, mốc từ 4 đến 5 có chiều dài 7,37m, mốc từ 5 đến 6 có chiều dài 3,90m, mốc 6 đến 7 có chiều dài 3,92m, mốc từ 7 đến 8 có chiều dài là 5,10m, mốc từ 8 đến 9 có chiều dài 1,15m; các mốc 2, 3, 8 là dấu sơn góc nhà ông H. Ph. Nh; các mốc 4, 5, 6, 7 là dấu sơn trên nền xi măng mép rào bê tông, mốc 9 là dấu sơn trên nền xi măng. Mốc từ 1 qua 2 có chiều rộng là 1,35m, mốc từ 17 qua 3 có chiều rộng 1, 20m, mốc từ 16 qua 4 có chiều rộng là 1,2m, mốc từ 15 qua 5 có chiều rộng là 1,3m, mốc từ 13 qua 6 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 12 qua 7 có chiều rộng là 1,30m, mốc từ 11 qua 8 có chiều rộng là 1,40m, mốc từ 10 qua 9 có chiều rộng là 2,10m. Nguyên đơn chỉ được cải tạo nâng cao mặt đường cao khoảng 10cm và khi nào nhà nước thu hồi bồi hoàn thì bị đơn sẽ nhận tiền bồi hoàn giá trị đất và tiền giá trị công trình vật kiến trúc trên phần đất mà nguyên đơn sử dụng làm đường đi. (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H. Ph. Nh không yêu cầu ông H. Tr. V đền bù giá trị quyền sử dụng đất.

3. Về chi phí tố tụng phúc thẩm:

- Buộc ông H. Tr. V chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông V đã nộp xong không phải nộp tiếp.

4. Án phí dân sự.

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H. Tr. V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo lai thu số 0011041 ngày 03/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, ông H. Tr. V không phải nộp thêm.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông H. Tr.V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo lai thu số 0011288 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, ông H. Tr. V không phải nộp thêm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND h Bình Tân: 01;
- Chi Cục THADS h Bình Tân: 01;
- Các Đ/s: 2 ;
- Lưu: 04.

Vương Minh Tâm